



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: _____

VEWL#: _____

I-171#: Y NO

EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN QUAN TRANG
Last Middle First

Current Address: 572 B1 Ấp 2 xã Phú Khương Thị xã Bến Tre Tỉnh Bến Tre

Date of Birth: 12/17/42 Place of Birth: Cần Thơ

Previous Occupation (before 1975) Capt
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 05/02/75 To 01/21/82
Years: 7 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
FAMILIES OF VIETNAMESE
POLITICAL PRISONERS ASSOC.
P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635
Address and Telephone Number _____

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

PHIẾU KIỂM SOÁT

- Họ và tên:

Nguyễn Quang
Trang

☒ Card

☐ Thờ, bỏ tục, cảm ớn

☐ Giấy ra trại

☐ Cấp bằng, huy chương

☒ Hồ sơ đầy đủ (Thờ đủ hồ sơ)

☐ Computer

- Các thủ khác :

☒ Mẫu D

☐ ODP list

☐ Labels

☐ Folder

☒ Hồ sơ cần xerox

☒ Hồ ~~sơ~~ đã chuyển ODP

Ngày . _____

BỘ QUỐC-PHÒNG
QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
THẺ CĂN-CƯỚC QUÂN-NHÂN

Số : 023970



Họ và Tên : NGUYỄN-QUAN-TRANG

Cấp bậc : Đại - Úy

Số quân : 62/II9.104

Loại máu : O Rh +

10.66.TTALAP. O. 2585

05.08.66 QĐ-849

DẤU TAY

Ngón trỏ trái

Ngón trỏ mặt

Sanh ngày : 17-12-1942

Tại : Vinh-Xuân CẦN-THƠ

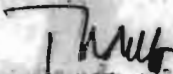
Con của Ông : Nguyễn-Văn-Pích (c)

và Bà : Lê-Thị-Chôn (c)

KBC.4125 ngày 15.3.72

Tham-Mưu-Phổ-Nhân-Viên

Số THA/CLYNCH



THỦ-TƯỚNG-CỘNG-HÒA-KHÚC-LY-TRANG

* Ai mượn được Thẻ này xin chuyển đến KBC ghi trên.

Saigon, ngày 12/4/86.

Kính thưa chị thơ.

Trước tôi và các anh kính
gửi đến chị những lời chào
chúc tốt đẹp nhất và đôi
giao sức khỏe...

Kính thưa chị sau đây
tôi xin gửi tới chị cho vãn
điện về chỗ của chị luôn.

Kính thưa chị đây là
củ thuốc em viết mà
tôi có tin chị chắc có.

Trời hui và hàng kính
thân chị và hàng hi chị

Kính thư

Đan

Nguyễn Hoàng Văn

From: Nguyễn Hoàng-Vang

83/9 Trần Khắc Chân

P9/Q. Phú Nhuận H.S. Chi Minh C.T.

Vietnam

CLAIM CHECK
NO.

198292

☐ HOLD

DATE

4/29

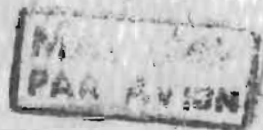
1ST NOTICE

2ND NOTICE

RETURN

Detached from
PS Form 3849-A
Oct. 1980

R 3 8 3



Có kèm
tong bao
thư

To: Nguyễn Thị Minh. Phương

Falls

Church. VA: 22043

U.S.A

MAIL PAR AVION





m
m Tu

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ
République du Viet-Nam

BỘ TƯ-PHÁP
Département de la Justice

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN
Service Judiciaire du Sud-Vietnam

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA Vĩnh-Bình
(GREFFE DU TRIBUNAL DE Vĩnh-Bình)

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Vĩnh-Xuân (Cần-Tho)
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM-PHẦN)
(Sud-Vietnam)

NĂM 1942
(Année)

SỐ HIỆU 149
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít. (Nom et prénom de l'enfant)	Nguyễn quan Trọng
Nam, nữ. (Sexe de l'enfant)	Nam
Sinh ngày nào. (Date de naissance)	17 Décembre 1942
Sinh tại chỗ nào. (Lieu de naissance)	Vĩnh-Xuân
Tên, họ cha. (Nom et prénom du père)	Nguyễn-văn-Bích
Cha làm nghề gì. (Sa profession)	Làm ruộng
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	Vĩnh-Xuân
Tên, họ mẹ. (Nom et prénom de la mère)	Lê-thị-Chối
Mẹ làm nghề gì. (Sa profession)	Làm ruộng
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	Vĩnh-Xuân
Vợ chánh hay vợ thứ. (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh

Chúng tôi, Lý quốc-Sinh
(Nous)

Chánh-án Tòa án Vĩnh-Bình
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông Phạm-vi-Thương
(M.)

Chánh-Lục-Sự Tòa-án số tại.
(Greffier en chef du dit tribunal.)

Vĩnh-Bình, ngày 19-1-1964

Trích y bản chánh.
(Pour extrait conforme)

Vĩnh-Bình, ngày 19-1-1964

CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF):



Giá tiền : 5000

(Coût)

Biên-lai số : 0661/2

(Quittance n°)

BỘ TƯ-PHÁP

Toà HỢC Q. KIẾN-HOÀ

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN

TOÀ HỢC Q. KIẾN-HOÀMột bản chánh giấy thể-vi KIAI SANH

(1) Ngày 30-10-1959 do HỒ-THỊ-BẾ, xin cấp đã được
 Giấy thể-vi KIAI SANH Lê-xuân-Kính, Chánh-Án Toà án Kiến-hoà
 cho HỒ-THỊ-BẾ. với tư cách Thẩm-Phán Hoà-Giải, lập ngày như trên
 và đã trước-bạ :
 (1) Số 4059.

-TRÍCH RA NHƯ SAU ĐÂY:-

Những nhân chứng này, sau khi nghe đọc điều 16 của Nghị-định ngày 17-11-1947 của Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời Nam-Phần Việt-Nam và điều 363 và bổ đề cập Hình-Luật Canh-Cải sửa-dổi bởi Sắc-Lệnh ngày 31-12-1912 và sau khi tuyên-thệ, quả-quyết và biết chắc rằng:-

- HỒ-THỊ-BẾ, nữ, sanh ngày 15-11-1945, tại xã Hữu-Định (Kiến-Hoà) là con của Hồ-văn-Thảo (c) và Hồ-thị-Thôi. -

TRÍCH-LỤC Y THEO BẢN CHÁNH

Kiến-hoà tháng 11 năm 1967
 CHÁNH LỤC-SY.



Lê-sai:

(1) Lập tại số, ngày, tháng
 và năm trên đây mỗi
 lần xin trích-lục.

NAM PHẦN

VIỆT NAM CỘNG HÒA

Tỉnh Vĩnh - Long
 Quận Châu - Thanh
 Xã Lòng - Châu
Số

BỘ ĐỜI NGƯỜI VIỆT NAM

BỘN TRÍCH LỤC KHAI SANH NĂM 1.971(XÃ Lòng - Châu TỈNH Vĩnh - Long NAM PHẦN)SỐ HIỆU 2.979

Tên họ đưa con nit	<u>Nguyễn - Thị Thanh - Văn</u>
Nam nữ	<u>NỮ</u>
Sinh ngày nào	<u>Ngày năm tháng mười hai dương - lịch năm một ngàn chín trăm bảy mươi một .</u>
Sinh tại chỗ nào	<u>Lòng - Châu (Vĩnh - Long)</u>
Tên họ cha	<u>Nguyễn - Quan - Trọng</u>
Cha làm nghề gì	<u>Quản - Nhân</u>
Nhà cửa ở đâu	<u>KBC. 47.80</u>
Tên họ mẹ	<u>Hồ - Thị - Bé</u>
Mẹ làm nghề gì	<u>Nội - Trợ</u>
Nhà cửa ở đâu	<u>Tân - An (Vĩnh - Long)</u>
Vợ chánh hay thứ	<u>Vợ - Chánh</u>

Sao lục như trong bộ

Lòng - Châu ngày 08 tháng 10 năm 1971
 Ủy Viên Hộ-Tịch



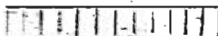
MIỄN THỊ TRÚC

Đã phủ
 Miếu lại số

11, Thị trấn Phước Khương
 Thị xã, Quận Thị xã
 Thành phố, Tỉnh Bến Tre

BẢN SAO GIẤY KHAI SINH

Số 227
 Quyển số 1



Họ và Tên	<u>Nguyễn Thị Chu Nguyệt</u>		Nam, nữ <u>nữ</u>
Sinh ngày	<u>mười hai tháng bảy năm một ngàn</u>		
Tháng, năm	<u>chín trăm bảy mươi lăm 12-7-1975</u>		
Nơi sinh	<u>Châu Thành - Vĩnh Long</u>		
Khai về cha mẹ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Nguyễn Guan Trang</u> <u>1940</u>	<u>Hồ Thị Bè</u> <u>1945</u>	
Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>	
Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>	
Nghề nghiệp	<u>Làm ruộng</u>	<u>Nội trợ</u>	
Nơi ĐKKK thường trú	<u>Vĩnh Long</u>	<u>Vĩnh Long</u>	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>Hồ Thanh Dương sinh 1954 ở xã Phước Khương Đ.K.T.T. Số 012375</u>		

MIỄN THỰC SAO Y BẢN CHÁNH

Ngày 14 tháng 11 năm 1988

TM UBND xã Phước Khương tên đóng dấu

ƯU

(Chữ ký và đóng dấu)

Lê Văn Hùng

Đã ký ngày 14 tháng 11 năm 1988

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

SAC BAN SAO

Ngày 01 tháng 11 năm 1988

TỔ U. BAN NHÂN DÂN TH. H. L. T. H. T.

Q. C. M. N. T. H. T.

[Signature]

[Signature]

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Mẫu H13/P2

Kính thưa Ủy ban Nhân dân

Tại xã, Quận, Thành phố, Tỉnh

GIẤY KHAI SINH

Số 62-KS-83

Quyển số 02

Họ và tên	NGUYỄN QUỐC BẢO		Nam, nữ Nữ
Sinh ngày tháng, năm	tám tháng tư năm một ngàn chín trăm tám mươi ba (08/04/1983)		
Nơi sinh	Xã Phú Khương, tỉnh Bến Tre		
KHAI VỀ CHA-MẸ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	Nguyễn Quốc Trạng 1932	Bồ Thị Bé 1938	
Dân tộc	Kinh	Kinh	
Quốc tịch	Nhật Nam	Việt Nam	
Nghề nghiệp	Thợ may	Bác sĩ	
Nơi ĐKKK thường trú	572B Ấp 2 xã Phú Khương	572B Ấp 2 xã Phú Khương	
Họ, tên, tuổi nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Bồ Thị Bé, sinh năm 1938, cư ngụ tại nhà số 572B Ấp 2 xã Phú Khương		

Đang ký ngày 27 tháng 04 năm 1983

(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

9.00000 Xã Phú Khương

Chức vụ

Phúc

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu HTS/PĐ

Xã, Thị trấn Phước Khương
Thị xã, Quận Bến Tre
Thành phố, Tỉnh Bến Tre

GIẤY KHAI SINH

Số 1369
Quyển số 02

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Họ và Tên	NGUYỄN THỊ CẨM-TÚ		Nam, nữ. <u>Nữ</u>																								
Sinh ngày tháng, năm	ngày hai mươi chín, Tháng giêng, năm một ngàn chín trăm tám mươi sáu (29.01.1986)																										
Nơi sinh	Xã Phước Khương, Thị xã Bến Tre Tỉnh Bến Tre																										
Khai về cha mẹ	<table border="1"> <thead> <tr> <th>CHA</th><th>MẸ</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)</td><td>Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)</td></tr> <tr> <td><u>Nguyễn Văn Trang</u> <u>1942</u></td><td><u>Hà Thị Bội</u> <u>1945</u></td></tr> <tr> <td>Dân tộc</td><td>Dân tộc</td></tr> <tr> <td><u>Kinh</u></td><td><u>Kinh</u></td></tr> <tr> <td>Quốc tịch</td><td>Quốc tịch</td></tr> <tr> <td><u>Việt Nam</u></td><td><u>Việt Nam</u></td></tr> <tr> <td>Nghề nghiệp</td><td>Nghề nghiệp</td></tr> <tr> <td><u>Đã nghỉ</u></td><td><u>Nhà trù</u></td></tr> <tr> <td>Nơi ĐKNK thường trú</td><td colspan="2">572B1 Ấp 2 Xã Phước Khương Thị xã Bến Tre Tỉnh Bến Tre</td></tr> <tr> <td>Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai</td><td colspan="2">Họ <u>Hà Thị Bội</u> 1945, 572B1 Ấp 2 Xã Phước Khương Thị xã Bến Tre Tỉnh Bến Tre chứng minh nhân dân số <u>32.003.726</u></td></tr> </tbody> </table>			CHA	MẸ	Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	<u>Nguyễn Văn Trang</u> <u>1942</u>	<u>Hà Thị Bội</u> <u>1945</u>	Dân tộc	Dân tộc	<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>	Quốc tịch	Quốc tịch	<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>	Nghề nghiệp	Nghề nghiệp	<u>Đã nghỉ</u>	<u>Nhà trù</u>	Nơi ĐKNK thường trú	572B1 Ấp 2 Xã Phước Khương Thị xã Bến Tre Tỉnh Bến Tre		Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Họ <u>Hà Thị Bội</u> 1945, 572B1 Ấp 2 Xã Phước Khương Thị xã Bến Tre Tỉnh Bến Tre chứng minh nhân dân số <u>32.003.726</u>	
CHA	MẸ																										
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)																										
<u>Nguyễn Văn Trang</u> <u>1942</u>	<u>Hà Thị Bội</u> <u>1945</u>																										
Dân tộc	Dân tộc																										
<u>Kinh</u>	<u>Kinh</u>																										
Quốc tịch	Quốc tịch																										
<u>Việt Nam</u>	<u>Việt Nam</u>																										
Nghề nghiệp	Nghề nghiệp																										
<u>Đã nghỉ</u>	<u>Nhà trù</u>																										
Nơi ĐKNK thường trú	572B1 Ấp 2 Xã Phước Khương Thị xã Bến Tre Tỉnh Bến Tre																										
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Họ <u>Hà Thị Bội</u> 1945, 572B1 Ấp 2 Xã Phước Khương Thị xã Bến Tre Tỉnh Bến Tre chứng minh nhân dân số <u>32.003.726</u>																										

Đứng từ ngày 05 tháng 02 năm 1986
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)

(Signature)

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NHẬP ĐƠN

ODP IV /

Date: OCT 05TH 1984
Ngày: OCT 05TH 1984

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

131 Soi Tien Siang
Sathorn Tai Road
Bangkok Thailand
10120

Xin Điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt: Nếu bạn không đọc hoặc viết Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

A. Basic Identification Data/Lý lịch căn bản

1. Name
Họ, tên : TRANG NGUYEN QUAN Sex: MAN
2. Other Names
H. tên khác : NON
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : DEC 17TH 1942 CAN THO
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 572B1 ẤP 2 XÃ PHÚ KHUÔNG
THị XÃ BẾN TRE TỈNH BẾN TRE
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-tử : * B/XO TRẦN KHẮC CHÂN - P.9 - Q. PHÚ NHUẬN - THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH CITY
6. Current Occupation
Nghề-nghiệp hiện tại : * TUYỂN NGUYỄN VĂN SAN JOSE CA
9442 - AFFILIATE OF AERA NONSHIP
7. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú ý: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia đình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa tử (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia đình
1. <u>TRANG NGUYEN QUAN</u>	<u>NOV 15TH 1945</u>	<u>KIÊN HÒA</u>	<u>F</u>	<u>MARRIED</u>	<u>WIFE</u>
2. <u>HANH VAN</u>	<u>DEC 05TH 1971</u>	<u>VINH LANG</u>	<u>F</u>	<u>SINGLE</u>	<u>CHILD</u>
3. <u>NGUYEN THAI</u>					
4. <u>NGUYEN THAI</u>	<u>JUL 12TH 1975</u>	<u>VINH LANG</u>	<u>F</u>	<u>SINGLE</u>	<u>GIRL</u>
5. <u>NGUYEN THAI</u>					
6. <u>BAI NGUYEN</u>	<u>APR 03TH 1993</u>	<u>BEN TRE</u>	<u>M</u>	<u>SINGLE</u>	<u>Boy</u>
7. <u>THAI</u>					
8. <u>CAM TU</u>	<u>JAN 29TH 1986</u>	<u>BEN TRE</u>	<u>F</u>	<u>SINGLE</u>	<u>GIRL</u>
9. <u>NGUYEN THAI</u>					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced) spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ Ý: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giấy-chứng hôn-thức (nếu đã kết hôn), giấy ly-hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa tử), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà con cùng đi với bạn không chung-trú với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ hàng ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

MYSELF
Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

* HOANG NGUYEN HUY * TUYEN NGUYEN VAN

a. Name
Họ, tên

b. Relationship
Liên-hệ gia-dinh

c. Address
Địa-chỉ

D. Date of Relatives Arrival
in the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ

COUSIN COUSIN COUSIN

ANAHIM CA 92302 SAN JOSE CA 95112 1973 1982

2. Closest Relative in Other Foreign Countries
Bà con thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, tên

b. Relationship
Liên-hệ gia-dinh

c. Address
Địa-chỉ

- D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thể Gia-Dinh (Sống/Chết)

1. Father
Cha

2. Mother
Mẹ

3. Spouse
Vợ/Chồng

4. Former Spouse (if any)
Vợ/Chồng trước (nếu có)

5. Children
Con cái

- (1) THANH-VAN NGUYEN THI (LIVING)
(2) THU NGUYEN NGUYEN THI
(3) BA NGUYEN QUOC
(4) CAM-TU NGUYEN THI
(5)
(6)
(7)
(8)
(9)

6. Siblings
Anh chị em

- (1) * WANG NGUYEN HOANG (BROTHER BLUT) N° 53/-154740
(2) * TIEN LY SSAN TRUEN TIN TRUEN BAN 12 THIET GAN
(3) * BA NGUYEN NGOC LIEN TAN N° 48/742342 PHAN HANH VAN
(4) * NGUYEN VAN HAN HS SD - RE EDUCATION F 1975 - N° 1981
(5) (BROTHER IN LAW)
(6) * NGUYEN VAN N° 63/108600 LIEN TAN - 31 / 2ND CAV (BROTHER)
(7) * TUONG NGUYEN THI POST 1975 TEACHER (BLUT SISTER)
(8) * TINH NGUYEN THI PREPOST 1975 TEACHER (BLUT SISTER)
(9)

BLUT UNCLE TON NGUYEN VAN DAI TA THANH NGUYEN TRUEN TRUEN BAN 12 THIET GAN 1975 1981 CHET

APPLICATION FOR CLASSIFICATION AS REFUGEES
TO : THE DIRECTOR, THE ORDERLY DEPARTURE PROGRAM OFFICE
331 POI TINH STANO, SOUTH CATHOLIC ROAD, PANGKOK 10120
THAILAND

Subject : Request for Immigration to the United States of America under The Orderly Departure Program

Dear Sir,

1. I, the undersigned **TRANG NGUYEN QUAN** 2. Regimental number : **Nº 62/110164**
3. Date and country of Birth : **DEC 17th 1942 CAN THO**
4. Nationality : **VIET NAM** 5. Religion : **BUDDHIST**
6. Sex : **MALE** ☒ **FEMALE** ☐ 7. Family status : **WIFE + 04 CHILDREN**
8. Home address : **572 B1 A2 XA PAU KHUONG THINH BEN TRE TINH BEN TRE**
9. Military education : **TRUONG BS BINH THUOC**
10. Job title/Grade : **CAPT / S3**
11. Armed Forces Branch of service : **2ND CAV - APC 4780 ARVN**
12. Unit : **9TH DIVISION**
13. Place worked : **VINH LONG**
14. Civilian education : _____
15. Civilian occupation : _____
16. Travel/Education outside Vietnam : _____
17. US. closest relative : **CAPT CARPENTER ADVID AT 1978**
2ND CAV: APC 4780 - ARVN
18. US. Acquaintance : _____
19. After April 30, 1975, spent in reeducation **6** /years **8** /months. **10** days
Released from **230C** Camp on **JAN** /month **21st** /day **1982** /year.
20. References : **VIAM TSEN** **THUAN HAI** **RE EDUCATION PAPES**

Due to the difficulty of my situation, and based on the authority of your Organization and the spirit of the Humanitarian Act, I wish to request your assistance and your intervention with the Government of the Socialist Republic of Vietnam, in order that I and all my family's members may be authorized to leave Vietnam under your arrangement and protection through the ODP, and to immigrate to the United States of America for the purpose of seeking a new life.

Following is our full list :

FULL NAME	SEX	Year of Birth	Married?	Relationship	Address
1. BE HO THI	M / O	1945	YES / NO	WIFE	572 B1 A2
2. THANH VAN NGUYEN THI	M / O	1971	YES / NO	CHILDREN	XA PAU KHUONG
3. THU NGUYEN NGUYEN THI	M / O	1975	YES / NO	"	THI XA BEN TRE
4. BAC NGUYEN QUOC	M / M	1983	YES / NO	"	TINH BEN TRE
5. CAU TU NGUYEN THI	M / O	1986	YES / NO	"	
6. _____	M / F		YES / NO		
7. _____	M / F		YES / NO		
8. _____	M / F		YES / NO		
9. _____	M / F		YES / NO		
10. _____	M / F		YES / NO		
11. _____	M / F		YES / NO		
12. _____	M / F		YES / NO		

We would be deeply grateful to You for hearing from You soon.

Respectfully and thankfully

SAIGON. OCT 05th 1984

Date

Signature of Applicant

TRANG NGUYEN QUAN

ENCLOSURES :

- BIRTH CERTIFICATE **6** EACH
- MARRIAGE CERTIFICATE **1** "
- RE EDUCATION PAPES **1** "
- POST 1975 UNIDENTIFIED MILITARY **1** "
- PICTURES 3x4 **6** "
- AVIS CERTIFICATES **15** EACH } **16**

BỘ QUỐC-PHÒNG
QUÂN-LỰC VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
THẺ CĂN-CƯỚC QUÂN-NHÂN

022974



Họ và Tên : NGUYỄN-QUAN-TRẠNG

Cấp bậc : Đại - Úy

Số quân : 62/119.104

Loại máu : O Rh +

05.08.66 QĐ-849

10.66. TIALAP. O. 2555

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH HAY THÀNH-PHỐ

QUẬN

XÃ

Số hiệu

TRÍCH-LỤC

CHUNG-THU HÔN-THU

Tên, họ người chồng

nghề-nghiep

sinh ngày tháng năm

tại

cư-sở tại

tạm-trú tại

Tên, họ em chồng

Tên, họ mẹ chồng

Tên, họ người vợ

nghề-nghiep

sinh ngày tháng năm

tại

cư-sở tại

tạm-trú tại

Tên, họ cha vợ

Tên, họ mẹ vợ

Ngày cưới

Vợ chồng khai có hay không lập hôn-kế

ngày tháng năm

chứng thực
chủ tịch của U.B.H.C.
Xã Tân Ngãi, ngày 10/8/1968
Trần Văn Năm

Trích y bốn chánh
Cán Ngãi, ngày 10 tháng 8 năm 1968
Viên-chức Hộ-lich



DẶNG-VĂN-NAM

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

VĨNH HAY THANH-PHỐ

QUẬN *Thị xã Thủ Đức*

XÃ *Cần Giờ*

Số hiệu: *113*

TRÍCH-LỤC

CHUNG-THU HÔN-THU

Tên, họ người chồng *Nguyễn Văn Đăng*
nghề nghiệp *Đi làm*
sinh ngày *17* tháng *10* năm *1942*
tại *Thị xã Thủ Đức*
cư sở tại *Thị xã Thủ Đức*
tạm trú tại *Đã có hộ khẩu*
Tên, họ cha vợ *Nguyễn Văn Đăng*
(Sống chết phải ghi rõ)
Tên, họ mẹ chồng *Đã mất*
(Sống chết phải ghi rõ)
Tên, họ người vợ *Nguyễn Thị Bình*
nghề nghiệp *Đi làm*
sinh ngày *15* tháng *11* năm *1940*
tại *Thị xã Thủ Đức*
cư sở tại *Thị xã Thủ Đức*
tạm trú tại *Đã có hộ khẩu*
Tên, họ cha vợ *Nguyễn Văn Đăng*
(Sống chết phải ghi rõ)
Tên, họ mẹ vợ *Nguyễn Thị Bình*
(Sống chết phải ghi rõ)
— Ngày cưới *Ngày 10 tháng 8 năm 1968*
— Vợ chồng khai có hay không lập hôn-kết *Không*
ngày *10* tháng *10* năm *1968*

chứng thực
Ủy ban U.B.H.C
xã Cần Giờ, ngày 10/8/68
Thị xã Thủ Đức

Trích y bản chính
Cần Giờ, ngày *10* tháng *10* năm *1968*
Viên chức Họ-tên *Đang Văn Năm*



ĐANG VĂN NĂM

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH HAY THÀNH-PHỐ

Sinh Long

QUẬN: *Châu Thành*

XÃ: *Cần Ngai*

Số hiệu: *182*

TRÍCH-LỤC

CHỨNG-THƯ HÔN-THỰ

Tên, họ người chồng *Nguyễn Văn Trường*

nghề nghiệp *Chăn nuôi*

sinh ngày *17* tháng *12* năm *1942*

tại *Sinh Xuân* *Cần Thơ*

cư-sở tại *Sinh Xuân*

tạm-trú tại *KBC 4780/3*

Tên, họ cha chồng *Nguyễn Văn Bình (chết)*
(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ chồng *Đỗ Thị Chè (chết)*
(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ người vợ *Đỗ Thị Bé*

nghề-nghiep *Nhà bếp*

sinh ngày *15* tháng *11* năm *1945*

tại *Thị trấn* *Sinh* *Kiên Hòa*

cư-sở tại *Thị trấn*

tạm-trú tại *xã Cần Ngai*

Tên, họ cha vợ *Đỗ Văn Chèo (chết)*
(Sống chết phải ghi rõ)

Tên, họ mẹ vợ *Đỗ Thị Chè (sống)*
(Sống chết phải ghi rõ)

— Ngày cưới *Ngày 10 tháng 8 năm 1968*

— Vợ chồng khai có hay không lập hôn-khế

ngày tháng năm

chứng thật

chủ tịch của UBND

xã Cần Ngai ngang đây

Sinh Long, ngày 10/8/68

Trần Văn Năm

Trích y bốn chánh

Cần Ngai, ngày *15* tháng *8* năm *1968*

Viên-chức Hộ-tịch



ĐẶNG VĂN NĂM

ĐOÀN NỘI VỤ
Trại Tam Đảo

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

C I Á Y R A T R A I

Theo thông tư số 66-BCA/TTr ngày 31/05/1961 của Bộ Công an và
Thị hành quyết định của số 11/QĐ ngày 08/01 năm 1962 của Bộ NV

đã cấp giấy thả cho anh có tên sau đây :

Họ tên thật sinh : NGUYỄN QUANG TRẠNG
Họ tên thường gọi : NGUYỄN QUANG TRẠNG
Họ tên bí danh : NGUYỄN QUANG TRẠNG
Năm sinh : 1942
Quê quán : Cầu Thơ
Trú quán : 141 B ấp 2 - Xã Phú Khương - Huyện Châu Thành -
Tỉnh Bến Tre
Cán tội : Đại úy trưởng ban 3 thiết đoàn
Đã bắt : 2/05/1975
Án phạt : TTCT
Nay về cư trú tại : 141 B ấp 2 - Xã Phú Khương - Huyện Châu Thành -
Tỉnh Bến Tre

NHÂN XÉT VÀ TRÌNH CẢI TẠO

Tư tưởng : Không tố ra an dân học tập cải tạo chưa có biến hóa
Lao động : Có tinh thần tự giác hoàn thành công việc được giao
Nội quy : Chấp hành nội quy của trại chưa có gì sai phạm
Học tập : Nhận thấy được tội lỗi , nhận thức chuyển biến

quản để 12 tháng

Lưu tay ngón trái phải . Họ tên chữ ký của người . / / ngày 21 tháng 01 năm 1977
của NGUYỄN QUANG TRẠNG : được cấp giấy



TRƯỞNG TÁ: PHẠM ...

Quản lý trại